

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 01- 2024.

V/v: “*Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp con chung, nợ chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tòng Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Quang Trung;

2. Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà: Ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/ TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị S, sinh năm 1993; Trú tại: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A T, sinh năm 1990; Trú tại: bản C, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N, chi nhánh huyện M, tỉnh Yên Bái.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sùng A H - Phó Giám đốc. Vắng mặt có văn bản xin xét xử vắng mặt.

4. *Người phiên dịch:* ông Thào A D; trú tại tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/11/2023 và tại phiên tòa chị Lý Thị S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh Giàng A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống anh T thường xuyên chơi bời, nghiện chất ma túy, không chịu khó làm ăn, bán tài sản đồ đạc trong nhà để sử dụng chất ma túy. Khi chị S góp ý, nhắc nhở thì anh T không nghe, không thay đổi. Nay chị S không còn tình cảm với anh T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là:

1. Giàng Danh V, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2013;
2. Giàng Nguyên G, sinh ngày 10 tháng 09 năm 2017;

Các cháu đang ở cùng chị S và anh T tại bản Chế Tạo, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chị S yêu cầu anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng Danh V và Giàng Nguyên G, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vay của Ngân hàng N, chi nhánh huyện M, tỉnh Yên Bái với số tiền là 50.000.000 đồng đến thời điểm hiện tại chị S đã trả 30.000.000 đồng, hiện còn dư nợ là 20.000.000 đồng, chị S yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền nợ trên.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023, bị đơn Giàng A T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh chung sống như vợ chồng với chị Lý Thị S năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thừa nhận bản thân thường xuyên chơi bời và nghiện chất ma túy, bán tài sản, đồ đạc trong nhà để sử dụng chất ma túy. Tuy nhiên bản thân vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị S, không đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị S, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị quay về đoàn tụ.

- *Về con chung:* Có 02 con chung như chị S trình bày, nếu ly hôn anh T yêu cầu chị S trực tiếp nuôi dưỡng các cháu; do bản thân đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Y, không có điều kiện nuôi dưỡng các cháu

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 11 năm 2023 anh T trình bày là số dư nợ tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện M, tỉnh Yên Bái còn 20.000.000 đồng, anh T yêu cầu mỗi người trả 10.000.000 đồng.

* *Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2023 đối với khả năng nuôi dưỡng giáo dục các con*: Chị S là người có khả năng và điều kiện chăm sóc giáo dục các cháu tốt hơn anh T, vì bản thân anh T nghiện ma túy nên không có khả năng chăm sóc giáo dục các cháu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 12 năm 2023 của cháu Giàng Danh V: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* *Tại biên bản Hòa giải ngày 30/11/2023*: Chị S và anh T thống nhất được với nhau là để chị S trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng Danh V và Giàng Nguyên G. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung chị S và anh T thoả thuận thống nhất mỗi người trách nhiệm trả 10.000.000 đồng cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện M.

* *Tại Công văn đề ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng N, chi nhánh huyện M* đề nghị chị Lý Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà chị S đã ký với A chi nhánh huyện M, tỉnh Yên Bái.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải* phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt), đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lý Thị S và anh Giàng A T là vợ chồng.

Về con chung: Công nhân sự thoả thuận của các đương sự: Chị Lý Thị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Giàng Danh V và cháu Giàng Nguyên G. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Công nhân sự thoả thuận của các đương sự là chị S và anh T mỗi người trả 10.000.000 đồng cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lý Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Giàng A T, trú tại bản C, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia phiên toà và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Lý Thị S và anh Giàng A T có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận Chị Lý Thị S và anh Giàng A T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Công nhân sự thoả thuận của các đương sự là Chị Lý Thị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Giàng Danh V, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2013; Giàng Nguyên G, sinh ngày 10 tháng 09 năm 2017, để bảo đảm cho các cháu được học tập, phát triển về thể chất và tinh thần. Anh Giàng A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Lý Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung: Công nhân sự thoả thuận của các đương sự là chị S và anh T mỗi người trả 10.000.000 đồng cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện M.

[6] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn cần miễn án phí cho đương sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Điều 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị S và anh Giàng A T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự là Chị Lý Thị S được trực tiếp nuôi các cháu Giàng Danh V, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2013; Giàng Nguyên G, sinh ngày 10 tháng 09 năm 2017. Anh Giàng A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chị Lý Thị S và anh Giàng A T mỗi người trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và lãi phát sinh cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện M.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **PHẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã C; huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

Tòng Văn Q